

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15** /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30.3.2022

Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Minh Sơn
2. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện U M T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T: Ông Tôn Minh Nhật –
Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Danh Thị Hoài D, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Tr, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/3/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Danh Thị Hoài D trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2018 bà D và ông Tr được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018 tại UBND xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, Tr nhiều lần bạo lực gia đình và vợ

chồng đã sống ly thân từ ngày 08/9/2019 cho đến nay, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Danh Thị Hoài D yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn Tr.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay anh Trương Văn Tr không đến tòa án. Anh Tr chỉ gửi ý kiến qua đường bưu điện, có đóng dấu bưu điện đề ngày 13/12/2021 chỉ ghi ngắn gọn:

Tôi và Danh Thị Hoài D không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, tôi đồng ý ly hôn với Danh Thị Hoài D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng phía anh Trương Văn Tr vắng mặt, không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trương Văn Tr là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền*: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Danh Thị Hoài D khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Trương Văn Tr. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Danh Thị Hoài D và anh Trương Văn Tr được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2018 tại UBND xã M T, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, chị Hoài D cho rằng anh Tr nhiều lần bạo lực gia đình, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ ngày 08/9/2019 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Hoài D là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải biết nhường nhịn lẫn nhau tạo điều kiện để hàn gắn gia đình mới đúng, đằng này anh, chị lại quyết định sống ly thân, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho chị Hoài D được ly hôn với anh Tr là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung*: Chị Hoài D và anh Tr không có con chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Hoài D và anh Tr cho rằng không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Về tố tụng Thẩm phán – HĐXX đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Tr nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn không thực hiện theo quy định tại Điều 72 BLTTDS. Về nội dung chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho chị Hoài D ly hôn với anh Tr. Về con chung không có. Về tài sản và nợ chung anh Tr và chị Hoài D không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[6]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm xin ly hôn*: Căn cứ vào Nghị Quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Hoài D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Hoài D được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003061 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị Hoài D không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Danh Thị Hoài D được ly hôn với anh Trương Văn Tr.
2. Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Danh Thị Hoài D và anh Trương Văn Tr không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Danh Thị Hoài D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Danh Thị Hoài D

được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0003061 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị Danh Thị Hoài D không phải nộp thêm.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi